TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DSST
Ngày 13-11-2018
Vv: "Tranh chấp thừa kế theo di chúc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dân

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Bà Hà Thị Hải

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Đỗ Trọng Tú- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2018/TLST-DS ngµy 30/01/2018 về việc: "Tranh chấp thừa kế theo di chúc ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXX-ST ngày 28/9/2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị B- sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu 13,xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

2. Đồng bị đơn: - Chị Nguyễn Thị C- sinh năm 1961

Địa chỉ: Khu 15, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ(có mặt)

- Chị Nguyễn Thị M- sinh năm 1964

Địa chỉ: Khu 13, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án***:

3.1 . Chị Nguyễn Thị L- sinh năm: 1973

Địa chỉ: Khu 13, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

3.2. Anh Nguyễn Văn T- sinh năm 1970

3.3. Anh Nguyễn Văn Đ- sinh năm 1993

Đều có địa chỉ: Khu 13, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ(vắng mặt)

3.4. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy H; chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.5. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T; chức vụ: Trưởng phòng tài nguyên môi trương huyện C (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/01/2018 và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Bố chị là Nguyễn Đức H chết năm 1998, mẹ chị là Vi Thị K chết năm 2017. Bố mẹ chị sinh được sáu người con là Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn L (đã chết năm 2013- có con trai là Nguyễn Văn Đ); Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L. Bố mẹ chị được quyền sử dụng thửa đất số 283, tờ bản đồ 60, ở khu 13, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi bố chị chết đã cho anh T một phần, còn lại đến năm 2010 mẹ chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1447,2 m2. Sau khi mẹ chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai nói gì, năm 2012 mẹ chị tặng cho cháu Đ 581m2, còn lại 576,2 m2 (trong đó đất ở 80 m2, đất lâu năm khác 496, 2 m2).

Ngày 10/5/2016, mẹ chị tổ chức họp gia đình có mặt 5 người con và cháu Đ, ông Vi Văn T đại diện cho dòng họ V chứng kiến. Mẹ chị ý kiến ai nhận trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc lo tang lễ cho bà sau khi bà chết thì bà sẽ tặng cho diện tích đất còn lại nhưng không ai nhận, mẹ chị đã tuyên bố tặng toàn bộ phần diện tích đất còn lại là 576,2 m2 cho chị. Chị có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng bà lúc sống và lo tang lễ khi bà chết. Nhưng khi kết thúc cuộc họp chị C không nhất trí vì cháu Đ chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn cháu Đ không nói gì, không ký biên bản, còn lại mọi người đều ký.

Ngày 05/9/2016 mẹ chị đã đến UBND xã Đ lập di chúc với nội dung để lại cho chị toàn bộ diện tích đất 576,2 m2 cho chị sử dụng và khi bà qua đời các con không được tranh chấp, khi mẹ chị ra UBND xã Đ để lập di chúc chị đưa đi, mẹ chị vẫn khỏe mạnh minh mẫn, không bị ép buộc, bản di chúc đã được UBND xã chứng thực.Quá trình chung sống cùng chị từ năm 2012 đến khi mẹ chị chết, chị chăm sóc cho bà, lo tang lễ chu đáo khi bà chết. Sau khi mẹ chị

chết ngày 18/8/2017 chị đề nghị họp gia đình để mở di chúc nhưng không ai họp chỉ có chị và chị L. Ngày 01/11/2017 chị đã đề nghị UBND xã Đ mở di chúc, UBND xã Đ mở di chúc có 4 anh em và cháu Đ, anh T đến nhưng không tham dự và bỏ về, Cháu Đ, bà M, bà C không đồng ý với nội dung di chúc của mẹ chị, nên chị không thực hiện được việc thừa kế theo di chúc. Nay chị yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của mẹ chị là Vi Thị K để lại là hợp pháp, để chị được thừa kế toàn bộ diện tích đất theo di chúc mà mẹ chị để lại, diện tích đất thực tế còn lại bao nhiêu chị nhận bấy nhiêu.

Bị đơn chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị C và người có quyền lợi liên quan là anh T trình bày: Nguyễn Đức H, bà Vi Thị K là bố mẹ các chị , ông, bà sinh được 6 người con là: C. M, L, L, T, B, năm 1998 ông H chết, năm 2017 bà K chết. Ông H, bà K để lại thửa đất 238, tờ bản đồ 60, diện tích 1447,2 m2, năm 2012, chị Nguyễn Thi B ly hôn chồng về ở với mẹ và anh em tại xã Đ, anh em đã họp gia đình thống nhất cho chị B 290 m2 đất, ngày 05/9/2014 gia đình họp cho thêm chị B 0,5m đất để làm lối đi còn lại để cho cháu Đ. Sau khi bà K chết, anh chị em phát sinh mâu thuẫn, chị B xây tường rào, sát đầu đốc nhà cháu Đ, chị em đến can thiệp thì chị B mới dừng lại. Việc bà K cho cháu Đ bao nhiêu đất, cho khi nào thì các chị không biết, chỉ đến khi mâu thuẫn các anh chị em trong nhà đề nghị đến chính quyền địa phương giải quyết thì khi đó UBND xã Đ mới thông báo bà K cho cháu Đ đất, chị B nói bà K có di chúc cho chị B toàn bộ diện tích đất còn lại thì khi đó các chị mới biết, nhưng không nhất trí với bản di chúc của bà K để lại cho chị B toàn bộ diện tích đất.

Nay chị B yêu cầu Tòa án xém xét công nhận di chúc của bà K là hợp pháp để chị B được quyền thừa kế toàn bộ tài sản theo di chúc, thì các chị không nhất trí, mà đề nghị Tòa án giải quyết theo biên bản họp gia đình ngày 05/9/2014, còn các chị từ chối nhận tài sản do mẹ chị để lại, phần đất còn lại để cho cháu Đ ½ và chị B ½.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị L trình bày: Chị hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của chị B, việc mẹ chị có để lại di chúc cho chị B được thừa kế toàn bộ tài sản chị không có ý kiến gì, vì chị B đã thực hiện đúng theo như nội dung bản di chúc mẹ chị để lại.

-UBND xã Đ trình bày: Ngày 05/9/2016, bà Vi Thị K được con gái là chị Nguyễn Thị B đưa đến UBND xã Đ để chứng thực di chúc. Di chúc bà K lập ngày 05/9/2016 là hai bản đánh máy do bà Ké mang đến UBND xã yêu cầu chứng thực di chúc. Sau khi kiểm tra bản di chúc chúng tôi nhận thấy nội dung bản di chúc không trái pháp luật, bà K tình trạng sức khỏe bình thường, tinh

thần minh mẫn, tỉnh táo, tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi chứng thực xong UBND xã lưu một bản, còn một bản giao cho bà K lưu giữ tại gia đình. Di chúc được UBND xã Đ chứng thực và vào sổ số 03, quyển 01 được lưu giữ tại UBND xã Đồng L, huyện C.

-UBND huyện C, UBND xã Đ trình bày: Hộ bà Vi Thị K được UBND huyện S (nay là UBND huyện C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R062149 vào sổ số H00842, cấp ngày 26/9/2000, tại thửa 46, tờ bản đồ 27, diện tích 2000 m2 (trong đó, đất ở 400m2, đất vườn 1600 m2). Năm 2005 bà K có đơn xin thừa kế đất cho con trai là Nguyễn Văn T 352 m2 (trong đó đất ở 130 m2, đất vườn: 222 m2) đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/2006. Năm 2006 bà K chuyển nhượng một phần đất cho ông Cao Văn C, ở khu 11, xã Đ, diện tích 384 m2 (trong đó đất ở 120 m2, đất vườn: 264 m2) đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/2006. Diện tích đất còn lại của bà K là 1114 m2.

Năm 2009 thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Đ, bà Vi Thị K đã kê khai cấp đổi và được UBND huyện C cấp đổi tại thửa số 283, tờ bản đồ 60, diện tích 1447,2 m2 (đất ở 150 m2, đất vườn: 1297 m2). Năm 2012 bà K tặng cho con gái là Nguyễn Thị B, ở khu 13, xã Đ, diện tích 290 m2 (trong đó, đất ở 70 m2, đất vườn 220 m2) đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/12/2012.

Năm 2015, bà K tách một phần diện tích tặng cho cháu nội là anh Nguyễn Văn Đ, diện tích 581 m2 toàn bộ là đất vườn. đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/2015 (anh Đ chưa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Diện tích đất còn lại là 576,2 m2 (trong đó đất ở 80 m2, đất vườn 496,2 m2).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đối với vụ án "Tranh chấp thừa kế theo di chúc" và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: điều 624, 626,628 điều 630, 635, 636 Bộ luật dân sự, khoản 5 điều 26, điểm a khoản 2 điều 35, khoản 2 điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 7 điều 27 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 quy định về mưc thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, điều 26 luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Nguyễn Thị B về việc yêu cầu công nhận bản di chúc lập ngày 05/9/2016 của cụ Vi Thị K là hợp pháp. Chị Nguyễn

Thị B được quyền sử dụng thửa đất số 283, tờ bản đồ số 60, diện tích 345,4 m2, tại khu 13, xã Đ huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Về án phí: Yêu cầu của chị B được chấp nhận nên chị B không phải chịu án phí dân sư sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu của chị B thì thấy: Bà Vi Thị K được UBND huyện S (nay là UBND huyện C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/9/2000, tại thửa 46, tờ bản đồ 27, diện tích 2000 m2. Năm 2005 bà K cho con trai là Nguyễn Văn T 352 m2, đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/2006. Năm 2006 bà K chuyển nhượng một phần đất cho ông Cao Văn C, ở khu 11, xã Đ, diện tích 384 m2, đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/2006. Diện tích đất còn lại của bà K là 1114 m2.

Năm 2009 thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Đ, bà Vi Thị K đã kê khai cấp đổi và được UBND huyện C cấp đổi tại thửa số 283, tờ bản đồ 60, diện tích 1447,2 m2. Năm 2012 bà K tặng cho con gái là Nguyễn Thị B, ở khu 13, xã Đ, diện tích 290 m2 ,đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/12/2012.

Năm 2015, bà K tách một phần diện tích tặng cho cháu nội là anh Nguyễn Văn Đ, diện tích 581 m2 (toàn bộ là đất vườn), đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/2015 (anh Đ chưa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Diện tích đất còn lại là 576,2 m2. Ngày 05/9/2016 bà Vi Thị K đến UBND xã Đ chứng thực di chúc với nội dung để lại toàn bộ diện tích đất còn lại là 576,2 m2 (đo thực tế còn lại là 345,4 m2) cho con gái là Nguyễn Thị B. Ngày 02/8/2017 bà K chết, sau khi bà K chết chị B đã yêu cầu UBND xã Đ mở di chúc để chị thực hiện quyền của mình nhưng bà M, bà C, anh Th, anh Đ không đồng ý với bản di chúc của cụ K nên chị không thực hiện được quyền của chị. Quá trình thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy: Bà Vi Thị K đến UBND xã Đ trong tình trạng sức khỏe bình thường, tinh thần minh mẫn tỉnh táo, việc xác lập di chúc của bà là hoàn toàn tự nguyện, không ai

ép buộc. Việc chứng thực di chúc của bà Vi Thị K UBND xã Đ đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.Nên chị Nguyễn Thị B được hưởng tài sản của bà K để lại là có căn cứ chấp nhận. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị Nguyễn Thị B có quan điểm diện tích đất đo đạc thực tế còn lại của bà Vi Thị K còn bao nhiêu thì chị xin sử dụng bấy nhiêu.Quá trình xem xét thẩm định thực tế còn lại là 345,4 m2 (trong đó đất ở 80 m2, đất trồng cây lâu năm khác 265,4 m2) việc có sư chênh lệch là do sai số đo đạc.

Còn về phía chị M, chị C, anh T không công nhận bản di chúc mà bà K đã để lại cho chị B vào ngày 05/9/2016 là không có căn cứ. Bởi lẽ, bản di chúc đã được UBND xã Đ chứng thực đúng quy định của pháp luật, bà K khi lập di chúc sức khỏe bình thường, tình thần minh mẫn, tự nguyện, không bị ép buộc, do đó bản di chúc là hợp pháp, hơn nữa điều này đã được khẳng định tại kết luận giám định số: 976/TL-KLGĐ/PC09 ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ, khẳng định "Chữ ký dạng chữ viết "K" và các chữ "Vi Thị K" trên di chúc, đề ngày 05/9/2016 so với chữ ký, chữ viết "Vi Thị K" trong sổ chứng thực di chúc, mở ngày 15/01/2016 của UBND xã Đ, là do cùng một người viết ra".

Biên bản họp gia đình ngày 05/9/2014, mặc dù có chữ ký của cụ Vi Thị K nhưng không hợp pháp bởi lẽ, khi còn sống bà K có quyền định đoạt, thay đổi ý chí của bà trong việc tặng cho tài sản của mình cho ai, trong đó thể hiện việc bà đã tặng cho con trai là anh Nguyễn Văn T, cháu nội là anh Nguyễn Văn Đ, con gái chị Nguyễn Thị B một phần diện tích đất, ngày 05/9/2016 cụ đã viết di chúc và để lại phần tài sản còn lại của bà cho chị Nguyễn Thị B với điều kiện khi bà còn sống thì chăm sóc, khi chết thì lo tang ma cho bà, điều này là hoàn toàn có căn cứ. Do đó chị Nguyễn Thị B được quyền sử dụng thửa đất số 283, tờ bản đồ số 60, diện tích 345,4 m2, tại khu 13, xã Đ huyện C, tỉnh Phú Thọ, trên đất có 02 cây Xoài, 50 m tường rào chị B xây.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn Đ nhiều lần nhưng anh Đ đều không có mặt, qua xác minh của UBND xã Đ cho biết anh Đ đi làm ăn xa, khi đi cũng không xin giấy tạm vắng của xã nên địa phương không biết anh Đ đi đâu làm gì. Do đó Tòa án không lấy được lời khai của anh Đ.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận chị Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sư sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị C phải chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, giám định chữ viết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: điều 624, 626,628 điều 630, 635, 636 Bộ luật dân sự, khoản 5 điều 26, điểm a khoản 2 điều 35, khoản 2 điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 7 điều 27 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 quy định về mưc thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, điều 26 luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Nguyễn Thị B về việc yêu cầu công nhận bản di chúc lập ngày 05/9/2016 của cụ Vi Thị K là hợp pháp. Chị Nguyễn Thị B được quyền sử dụng thửa đất số 283, tờ bản đồ số 60, diện tích 345,4 m2, tại khu 13, xã Đ huyện C, tỉnh Phú Thọ(hình 1,2,3,4,5,6 có sơ đồ trích lục kèm theo).

2. Về án phí: Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị B số tiền 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền ngày 30/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê.

Chị Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ án phí dân sư sơ thẩm.

2. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mai và chị Nguyễn Thị Chúc phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Biên số tiền 6.000.000đ chi phí thẩm định, định giá tài sản, giám định chữ viết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Đương sự

vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự (2b);
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Dân

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dân